

## THIÊN GIẢI THÍCH CHƯ TẠP

Chư tạp là phân biệt các thiên khác thuần một. Yếu hạnh là bày chỗ cần, khi dùng tức mười môn sau đều là chánh nghiệp, đều do vốn thọ thể khắp khiến tuy hạnh nhiều đường, cẩn thận vâng làm, lưu truyền nên chú ý.

Trong phần bày ý, đầu tiên là bày pháp thể. Câu đầu bày cảnh rộng, không nêu tình và phi tình. Lâm nhiên nghĩa là nhiều như cỏ cây,

câu kế nói rõ chế khắp Tỳ-ni, sự pháp nương cảnh mà chế, tuy một cảnh lại có nhiều sự, tất cả cảnh sự không ngoài thiện ác, đối đây thiện ác được chia ra hai trí, thì không có một việc nào mà chẳng là điều vâng giữ. Thứ ba là nói trái phạm, hết nghĩa là khinh lờn không làm, là nói chung hai phạm.

Thứ tư là nói quả báo đời sau, lời thề trách bao gồm hai báo. Hai câu trên nói trì, hai câu dưới nói phạm. Chữ cố trở xuống là nói tuy hạnh, hai câu trên nói tuy sự lập pháp, mỗi việc nghĩa là cảnh sự. Món dạn dò tức luật chế. Hai câu dưới nói do giải khởi hạnh, giải do giáo sinh, cho nên phải tuyên biện. Đây là không bày một bộ ý chánh giáo.

Khoa kế, đầu tiên lại điểm thiên trước, các môn trên gồm hai mươi sáu thiên. Vì trong các thiên khoa nghĩa tương do, sự loai đều suốt, rõ chẳng phải lẫn lộn, cho nên nói là do đường nhiếp nhau. Chữ biệt trở xuống là kế xét bày thiên sau. Loại khác là Sa-di và Ni đối với đại tăng là các bộ riêng, đối với bốn tông là riêng, gồm thâu cũng bày không lẫn lộn. La nghĩa là bao la. Chữ dĩ trở xuống là chánh nói bốn thiên, hai câu trên nói sự tạp. Phiền loại nghĩa là không điều lưu. Đoạn là nghĩa có riêng dứt. Tục là sự hoặc liền nhau, đều không thành khoa đoạn nên gọi là Tạp vụ. Phân luân dụ cho rối loạn. Hai câu kế nói văn vụn vặt, đây riêng tức chỉ ngay thiên này, đối với trên dưới nên nói là riêng.

Trong phần ba, ban đầu nói cốt yếu. Chữ Tất trở xuống là khuyến tu. Chữ tắc trở xuống là bày lợi ích, khiếp nhược là sợ sệt. Ngược lại biết không học thì động dụng trái oai nghi, vào chúng hay du phương sẽ không nghi sợ, gởi lời với người học xin lưu ý. Nêu bày mười môn, thì một, bốn, năm, phần nhiều từ hoá giáo, chẳng phải không gồm chế, còn bao nhiêu đều là chế giáo, thời cũng gồm hoá giáo.

Môn đầu, trong lễ kính, sáng, trưa, chiều là ba thời của ngày, đầu, giữa, sau là ba thời của đêm. Ba sự như văn kế bày. Theo các kinh luận cần hạnh năm hồi, lại thêm hồi hướng phát nguyện. Như Tổ sư sáu thời lễ văn chép đủ nghi thức, người học nên nương theo.

Khoa kế, luận Tát-bà-đa nói tua hoa chỉ được rải đất, không được rải trên mình Phật, Tăng và trên đồ ăn uống, vì việc chẳng nên làm. Ngũ Bách Vấn làm các Phật sự tuy cho sửa đổi mà không đổi bản chất như giới trộm đã dẫn. Luận Tát-bà-đa nói Phật lập nghĩa là thức ăn

ngày tự tứ, v.v... là lấy các vật cúng dường, tuy tăng tay cầm cũng không thành ác xúc.

Trong phần ba, Thập tụng nói biết sự pháp. Đầu tiên dạy riêng năng nhọc nhằn. Chữ thường trở xuống là kế khuyên phát nguyện, dạy bày các chúng đồng đây giữ tâm, cho nên nói rằng cũng vậy. Luật Thiện Kiến nói giữ chùa, luận Trí Độ dạy sai, kế thỉnh sai nương lạp phải từ trên khởi. Sai dịch thì phải lấy dưới thấp cho nên từ dưới lên.

Trong phần bốn Tát-già Câu-xá chế không được hoại. Thượng phẩm trị là đồng với tội nghịch. Luận Trí Độ, luật Tăng-kỳ khai loại xấu đối tốt.

Trong phần năm, cúng người là pháp ấy, do người hiểu pháp vì pháp nương người.

Trong phần sáu, luận dạy chọn một người có khả năng hiểu biết coi sóc việc chúng, đầu tiên là Đại tăng thứ hai là Sa-di, thứ ba là tịnh nhân, tìm văn có thể thấy. Thấy chỗ loại trái với lãnh.

Trong phần bảy, khoa đầu tiên, luật Tăng-kỳ nói thưởng cho. Nói có công ấy là vì lo lắng sửa sang một chín nghĩa là một lần chọn chín giữ sống. Một nấu nghĩa là một lần nấu. Luật Ngũ Phần có ba đoạn, đầu tiên nói tri sự thưởng ăn, đưa lưỡi liếm mắc tội Đột-cát-la. Kế nói vật tăng tạm mượn cho kẻ tục dùng, vì nương nhau ở. Ba là nói năm thứ vật của tăng không chia, bán, vì là của thường trụ, cho nên luật Tăng-kỳ đồng như trên. Ban đầu chế hằng định, kế khai chuyển đổi. Luật Tứ Phần nói tội Thâu-lan-già, tạm phá Tăng dùng quyết tâm tổn mình như trên phạm tội nặng.

Khoa kế, luật Tăng-kỳ thâu nêu giúp trị, đồng thời chế chung làm, không cho lời bày, trái mắc tội nhỏ, đi chậm nghĩa là bước chậm rãi.

Trong phần ba, Luận Tỳ-ni Mẫu ban đầu nói thưởng cho, lưỡng công nhiều ít, chữ nhược trở xuống là kế dạy thí ăn, tâm không hi vọng, chẳng tùy người bệnh, là bệnh ăn vào rất kỵ, mắc tội là y theo giới sát ở trước, lý nên kết tội Thâu-lan-già, hoặc trái giáo tội Đột-cát-la, trở về trước các văn đều như tùy tướng ở giới trộm có nói đủ.

Môn thứ hai, khoa đầu năm pháp, từ tâm bình đẳng lia lỗi phân biệt. Hai là nhún mình tự ty, lia lỗi cống cao. Trong chú giải, bốn câu hành là phản chiếu lại mình như thế nào. Hai câu trên là Phạm Võng nói rằng: “Việc xấu đem về mình, việc tốt nhường cho người”, hai câu dưới nêu ra kinh Tịnh Danh, văn kia chép tiếp rằng “Thường dùng nhất tâm cầu các công đức. Ba, là ngồi đứng có thứ lớp lia lỗi loạn chúng. Chữ ứng trong chú thích khứ hô là hợp. Cúi ngược, cử động hợp oai nghi cho nên nói rằng đắc thời. Bốn, không nói bậy bạ, lia lỗi hí luận. Trong chú giải, câu đầu nói trên thuyết pháp, câu kế bày trên không nói bậy. Năm, dạy bày im lặng lia lỗi nã chúng. Khoa kế Thiện Kiến nói hạ

toạ từ tạ, chữ trang khứ hộ, tức dùng ngà voi để trang sức. Luận Trí Độ nói thêm toà bày cung kính. Toà sư tử là chỗ nói pháp, Luận Trí Độ nói Phật là sư tử trong loài người, chỗ Phật ngồi hoặc giường, hoặc đất là toà sư tử. Tăng-kỳ trang nghiêm pháp toà, quét hoa ngồi ấy là bỏ sự xỉ tốt đẹp.

Trong phần ba, ban đầu là oai nghi vào nhà, mặt bên cửa là tùy ngạch trái phải mà giở chân. Chữ hữu trở xuống là kế bày cách đánh, nghĩ già liền già đánh đe gần bằng. Trọng hưởng nghĩa là rung động, chữ thình trở xuống là đếm không xong, cho nên cần tay trái (xưa nói rằng biểu chứng không một sai lầm. Lại thấy đánh dùng tay trái, đến đánh làm thế xoay chuyển càng đáng cười). Chữ nhiên trở xuống là thứ ba nói thừa bạch, đồng đượ cũng nói là đồng cũng, tức thời đại tiểu thực xướng ăn bình đẳng. Chữ bất trở xuống là chế nghi pháp, chuẩn biết đánh chùy chỉ là thừa bạch thỉnh chúng, không giống đánh chuông khánh là sự dụng.

Môn thứ ba, môn này sự tạp, theo nghĩa chia làm mười sáu đoạn. Trong phần đầu, Ngũ Bách Vấn thấy đều cười cợt đánh nhục, không vì cầu pháp cho nên không cần đáp. Kế liệu như nêu tông giải thích đủ.

Trong phần ba, Luật Ngũ Phần sai thứ lớp, nghĩa là triết sự sai tăng và pháp thực nhóm họp, chẳng phải chỉ hai món này cho nên nói là “đẳng”. Luật Tứ Phần nói học tụng nghĩa là tụng sách vở thế tục, ngoại đạo. thế luận nghĩa là tính toán nói bàn. Tạp pháp tức kiến-độ Tạp. Luật Thập Tụng, văn tụng là nay thi ca. có thể kinh sợ là pháp sắp diệt. Do sách bói toán học thuật ở đời văn tụng đều là thế pháp, chẳng phải nghiệp xuất gia, vì nhân duyên thời đại chấp nhận. Thích tử ngày nay danh thật đều mất, có thể viết sách thì xưng là thảo thánh, tụng sách thế tục thì tự gọi là văn chương, chọn đất thì gọi là non nước, bói thuật thì kêu là Tam mạng, khởi ý bỏ việc nhà Phật, thuận theo danh của thế tục, vốn mưu nhằm thế, siêu thăng dịch tập theo nghiệp sinh tử, cho nên Luận Trí Độ chép: “Học tập ngoại điển như dùng dao cắt bùn, bùn không thành mà dao tự tổn. Lại như nhìn ánh sáng mặt trời làm cho mắt người chói. Nhưng thường xưa cao Tăng cũng nhiều dị học, hoặc tinh thảo lục, hoặc kéo văn chương, hoặc giỏi y thuật, hoặc rành âm dương, đều gọi là tinh bổn nghiệp, hợp với các tông, thấy đều chí ở hộ trì giúp Phật hoá lưu thông, cho nên kinh Thiện Giới chép: “nếu luận nghĩa phá tà kiến, hoặc hai phần kinh một phần sách ngoại đạo thì không phạm”, Tứ Phần khai thông đều là ý này.

Ngày nay hoặc dính danh thích lợi, y thế học tài, đầu tròn áo vuông mà tâm nhiễm thế tục phù du, trọn đời luống qua, thật đáng

thương thay!

Luận Tỳ-ni Mẫu một câu một kệ chỉ chung ba tạng giáo tuyên, tuy là Thánh giáo khiến quán thời dùng nhà, không thể chuyên cố chấp, cho nên nói rằng nên làm liền làm v.v... Tỳ-kheo đời sau tức Tổ Sư truyền pháp sau khi Phật nhập diệt, hễ có ngôn giáo cũng cần tùy nghi cho nên nói là cũng vậy.

Trong phần bốn, luật Ngũ Phần nói khai chế không người, nghĩa là không người cạo tóc. Nạn duyên nghĩa là gặp đời khó khăn. Luận gia là luận Tát-bà-đa kia rõ thứ lớp tức y cứ nhiều người đồng thời cạo, cho nên Luận Tỳ-ni Mẫu lựa chỗ cạo. Lông khác các chỗ là thân, nách, v.v..., luật chế Thân-lan-già. Chữ nếu trở xuống là bày ý trừ râu tóc. Luận Di Giáo chép, ở chỗ thượng thượng trước tiên chiết phục. Tứ Phần chế có thể cạo. Chữ nếu trở xuống là kế chế chỗ cạo. Ban đầu chế giới hạn, chữ đầu nên biết chữ phát (hoặc nói rằng người Bắc cho rằng tóc dài là đầu dài). Hai thấng cùng Ngũ Phần ở trên dài ngắn khác nhau. Hai ngón tay tức hai tác. Chữ bất trở xuống là kế chế dao khí, Thập Tụng nói sắp đặt. Niết-bàn trở xuống là nói lỗi không cạo, kinh kia thứ tư nói rằng đầu, râu, tóc, móng, nay ở đây viết ngược. Tương phá giới là trái Phật chế.

Trong kinh Tăng nhất, trong năm lỗi trước chánh lấy hai lỗi đầu, còn bao nhiêu đều nhân dẫn. Cấu giới tức bất tịnh, giới xưa điểm ngược. Không biết thời nghi nghĩa là chạm việc xao động, không hợp tâm người. Nhiều chỗ luận nghĩa là phát lời không chừng độ, không thể thiếu lời. Năm lỗi sau do đây mà sinh, như văn rất dễ hiểu. Ngày nay người không biết giáo, hoặc bốn mùa cạo đầu khoe mình là cao hạnh, hoặc tay tiết móc dài cho là ít có, là ly kỳ, đâu biết trong thành phá giới, ngoài huỷ nhục Phật pháp, người có hiểu biết sớm phải sửa đổi.

Trong phần năm, ưa đến nhà thế tục có mười lỗi, năm lỗi trước là dung phạm năm giới. Đầu tiên không dạn dò mà vào thôn. Hai, nhà ăn gượng ngồi. Còn ba món khác rõ ràng. Trong năm lỗi kế, ba lỗi tức là không thân nghiệp gần gũi tập thói đời, bốn tức lỗi tâm nghiệp đắm nhiễm, năm là nghiệp căn bản, tức lỗi phạm giới. Đến chết tức dâm, phạm Ba-la-di. Kế chết tức xúc chạm, v.v... tội tăng tàn. Kế rõ năm hạng chẳng nên gần gũi, đều là đối với mình không có lợi ích. Hơn người tức đức học vượt hơn mình.

Trong phần sáu, gia san là chiếm cứ đàn việt. San tham trụ xứ nghĩa là chùa thất không cho khách đến. Xưng tán san nghĩa là không khen điều lành của người.

Trong phần bảy, năm sự ít có đáng quý, nên gọi là báu, một và hai là thẳng cảnh, ba món khác là hạnh nghiệp. Gặp Phật, nghe pháp, phát hiểu biết, khởi hạnh, hạnh thành có chứng nghiệm, tin ưa lập vậy.

Trong phần tám, ban đầu nói mười việc. Hai chữ lạc trước trở xuống là mười việc, làm lụng, nói năng, nhiều câu là trạo tán, ngũ nghĩ là hôn mê bít lấp, bốn món này hơn sáu trần cộng thành mười. Chữ ngã trở xuống là kế nói cho nhận cung cấp, các đồ đã thiếu phần nhiều khởi phan duyên, pháp thiền không thành.

Trong phần chín, ban đầu chế tập phương thuật. La-hán chán việc, luật Thập tụng chép: “Mục-liên vào xóm khát thực, Vệ cư sĩ có thai hỏi sinh con trai hay gái?” Mục-liên đáp là “trai”, sau đó sinh con gái bèn chê bai. Hỏi Phật Phật nói: “Vốn là con trai ở trong thai chuyển thành gái, cho nên Mục-liên thấy trước không thấy sau, chứ chẳng phải nói dối”. Chữ luật trở xuống là kế dạy chú thệ, nghĩa là có việc oan khuất phải phát thệ để tự trong sạch, ý là cầu Phật làm chứng, cho nên nói rằng “Nam-mô Phật”, v.v...

Trong phần mười, sợ sệt tức là các chỗ tối tăm hiểm nạn, nghĩ đến Tam Bảo quyết mong che chở liền được an ổn.

Thứ mười một, luật luận chế ra đều vì tránh sự chê bai nghi kỵ của thế gian, xa lìa ngăn ngừa nhiễm dục trần.

Thứ mười hai, trước nói về nhãn hành dương, đầu tiên nêu ra lỗi không nhãn. Ấm là đàm ẩm, dẫn dụ như tiến. Luật Ngũ Phần dạy rửa bỏ, luật Tứ Phần nói bỏ ở chỗ vắng. Hai việc Đại tiểu do đó mà dẫn luôn. Nói rõ kinh hành, ban đầu nói lợi ích: một là quen thuộc, hai là chuyên nhất. Ba là khí huyết đều hoà. Bốn và năm rất dễ biết. Luật Thập tụng bày hành tướng. Hao nghĩa địa nghĩa là làm đường thẳng, không cho cong vẹo, hoặc dùng gạch đá. Ký Quy Truyện chép: Đất Ngũ Thiên, đường thế tục Phần nhiều làm kinh hành, đến thẳng đi thẳng chỉ tuân một đường (Nghĩa là dùng gạch đá chồng lên làm đường thẳng, hẹp mà dài, người qua lại có cùng đường thẳng cho nên đặt tên).

Lại nói rằng: “nên chỗ kinh hành của Phật rộng hai khuỷu tay, dài mười bốn, mười lăm khuỷu (rộng ba thước sáu, dài hai trượng sáu) trên dùng đá làm hoa sen nở, cao hai tấc, rộng một thước, có mười bốn, mười lăm tiêu biểu cho dấu vết Chân thánh.

Trong Tam Thiên nói làm chỗ tùy chỗ nên không thể cuộc hạn. Trong phần mười ba, Tăng-kỳ nói đèn chỗ chúng. Ban đầu dạy bên đèn, chữ nãi trở xuống là kế bày tắt đèn. Cũng vậy là đồng cáo tăng ở trên. Ký Ni sao làm dài để giúp vật. Văn sau chỉ rộng, kia nói rằng: “Khi đốt

đèn phải bước soi xá-lợi và hình tượng trước đèn, lễ bái rồi phải ra tắt, cho đến nhiều đầu, ở trong nhà xí phải đốt đèn suốt đêm, nếu đầu ít, người đi xong phải tắt.

Kế nói đèn cúng Phật, ngày nay gọi là đèn sáng lâu. Nếu Phật có sáng tối thì ban đêm đốt ban ngày tắt, vì không sáng tối thì ban đêm đốt ban ngày tắt, vì không kể ngày đêm. Vốn không nói nghĩ nghĩa là thí chủ tâm trông mong quyết có giới hạn, nên tắt không có lỗi.

Kế dẫn kinh làm chứng, kia thứ mười một nói rằng: Phật ở Xá-vệ có người nữ tên Nan-đà xin ăn tự sống, thấy các vua quan cúng dường Phật Tăng, tự tâm suy nghĩ “Ta do tội đời trước nên sinh chỗ nghèo hèn, tuy gặp ruộng phước mà không có hạt giống”, liền đi xin để mong có chút cúng dường, chỉ được một tiền mang đến nhà bán dầu, nói hết điều mong ước, chủ ban dầu thương xót cho dầu gấp bội. Được rồi vui mừng đủ làm một ngọn đèn dâng lên Thế tôn, tự lập nguyện “nay con nghèo cùng dùng chút đèn đây cúng dường Phật, do công đức này khiến con đời sau được trí tuệ, soi chiếu dứt trừ tất cả tội cấu dơ bẩn của chúng sinh. Phát thệ rồi lễ Phật mà đi. Đến cuối đêm các ngọn đèn đều tắt, chỉ có ngọn đèn của Nan-đà còn sáng. Bấy giờ, đến sáng ngài Mục-liên theo thứ lớp muốn tắt đèn, liền dùng tay quạt, lại dùng áo quạt đèn vẫn cứ sáng. Phật bảo Mục-liên: “Ngọn đèn này hàng Thỉnh Văn các thầy chẳng thể khuynh động, dù cho lấy nước bốn biển tưới, hay dùng gió Tỳ-lam thổi đèn cũng không thể tắt, vì đây là đèn của người phát đại tâm cúng dường”.

Phật nói lời này xong, Nan-đà Nữ lại đến, đầu mặt làm lễ, Phật liền thọ ký “Vào đời sau hai A-tăng-kỳ kiếp nữa, cô sẽ được thành Phật hiệu là Đăng Quang, mười hiệu đầy đủ”.

Phần thứ mười bốn, luật Ngũ Phần xin chó, xin chim, giảm phần xin, ba chữ xin đều là khứ thanh, phần ngoài nghĩa là phần nhiều nhận mà bố thí. Luật Tứ Phần nói, người tức người xin v.v... phi nhân tức quỷ thần, cầm thú, súc sinh. Luận Tỳ-ni Mẫu, trong loài người là loại riêng, không lỗi nghĩa là chẳng làm dơ nhà người.

Phần thứ mười lăm, hoại sắc tức là mặt không thân sắc. Tống phạm giới duyên tức đất trống nổi lửa. Đào hoại... giới nhân đó mà thành phạm.

Phần thứ mười sáu, ban đầu và thứ hai là tự tha tâm tịnh, ba là chấp lao phục dịch, bốn là thất bại tự cao, năm là hai quả báo hiện tại, tương lai.

Môn thứ tư, các tạp sự trước đều là tùy người làm riêng, tên riêng

người tự làm. Môn này nói tụng trì kinh giới, bất luận lợi căn, độn căn, mới vào đạo hay đã lâu v.v... khác nhau, hễ đã dựa vào cửa đạo thì nghĩa phải nương đó vâng giữ, cho nên nói rằng “Chung làm đồng pháp”.

Trong chánh nói, khoa đầu trước bày cốt yếu của tụng trì. Chữ ni trở xuống là nói căn tánh khác nhau. Thân dụng tức tâm trí. Xen mạnh yếu nghĩa là nghe nhiều hiểu ít, hoặc nghe ít hiểu nhiều. Chữ hữu trở xuống tức là người ban đầu. Chữ cố trở xuống tức là người kế.

Khoa kế chia làm bốn: ban đầu dạy tụng cương yếu. Người xưa là chưa rõ người nào. Thắng-man là kinh Thắng-man Phu Nhân Phương Đẳng Đại thừa, đối với Phật đã nói Đại thừa lý giáo xuất sinh vô tận, thâm nhiếp không sót cho nên nói là căn bốn. Kinh Như lai Tạng nói: “Phật ở Kỳ Sơn vì Bồ-tát Kim Cương Tuệ mà nói, lại nêu hai kinh còn bao nhiêu mặc nhiên không tồn tại cho nên nói rằng thú đắc. Trên tức bày riêng lý do, chước gồm bày đạo đức định tuệ, hạnh tức là giới, tất cả Phật pháp không ngoài ba môn học. Do chúng sinh mê tâm làm hoặc, động tự thành nghiệp, do nghiệp chiêu cảm báo, sinh tử không cùng, muốn thoát quả khổ cốt yếu phải trừ nhân khổ, cho nên trước dùng giới trị nghiệp kia, kế dùng định tuệ lóng trong hoặc kia. Nghiệp chia thiện ác, hai hạnh hai pháp chỉ tác mà đối phó. Người bệnh nhờ thuốc mà lành, cơ do giáo mà tu, sau nghiệp hết hoặc trừ, tình mất tánh hiển, giáo môn tuy rộng đâu vượt qua đây, gồm nhiếp nghĩa cương yếu ở đây.

Chữ các trở xuống là kế dạy rộng xem các văn, đầu tiên xem Thánh giáo, rộng thấy xa là giúp trí giải kia. Giúp đỡ v.v... ấy là giúp hạnh nghiệp. Khuôn là chánh, phụ là giúp. Kế giở sách đời cốt yếu xem sự phân biệt siêu xuất của Tấn, Hy. Phương là so sánh. Chữ dĩ trở xuống là thứ ba, bày tụng tập các nghiệp. Chữ nếu trở xuống là thứ tư phân biệt lợi căn không cuộc hạn. Sinh trí xuất xứ từ Luận Ngữ (Khổng Tử nói: Sinh ra mà biết là thượng, học mà biết là thứ, khốn mà biết là thứ nữa, khốn mà không học dân đây là hạ) nhưng sách thế gian kia thì nói rằng sinh biết Phật giáo nói đều do thói quen đời trước. Kiếp rồi sau chướng nặng ít thấy người này, chỉ có thể y cứ theo trước tùy sức tu học, soi xét suy lường không cho tự mê muội.

Trong phần ba, trong Tam Thiên nói ba việc là nghiệp xuất gia nghĩa gồm trì giới, không nêu ba môn học và hai lợi tự tha. Xuống sinh tử ấy là luống không có chỗ được, hoặc chịu khổ là kia Ca-sa lìa thân, bụng vỡ đồ ăn lòi ra, không như vậy thì đoạ địa ngục, v.v...

Luật Thập Tụng, sợ hãi lại nêu ba món, chánh là dùng món thứ hai, tức năm món sợ sệt như nêu tông dẫn đủ.

Khoa kế, luật Thiện Kiến chế kia bỏ quên, thầy vẫn còn tức Hoà-thượng đặc giới có thể theo học, cho nên nếu thấy chế phải theo y chỉ. Năm thọ riêng là trì Phạm xử đoán nhỏ nhiệm, theo văn cho nên phải thường học không thể tạm bỏ. Bậc tổ chánh sư của ta còn nghe quảng luật thường chưa thể tự khoe. Quá giống như khắp. Kinh Phật tạng nói kia gồm giúp, không có pháp ngã nhân là điều mà kinh luận nói. Ngã nhân tức phiền não, vô tức không tuệ. Luật Thiện Kiến bày cách học kia.

Trong phần ba nghĩa là hiện chung bày khác, nói hạnh nghiệp mình sợ thành đại vọng. Phật chế không vì luật luận, chánh văn có duyên, thời chấp nhận Luận Tát-bà-đa, luận kia hỏi La-hán Đạp-bà là trì sự của tăng vì sao thường phát ra ánh sáng, tự hiển công đức? Sao dẫn văn đáp có hai ý: ban đầu là bất thiện vì chẳng phải chỗ khai của giáo pháp, như Đề-bà hiện thần thông mê hoặc A-xá-thế. Hai là khai duyên tức việc của Đại-bà. Vì Phật pháp là hiển tôn thắng kia để khiến lưu thông. Vì chúng sinh mà dứt hiểm nghi kia khiến cho kính mến.

Trong thứ năm, khoa đầu trước nói riêng tu. Biết giới hạn ấy là phước trí riêng cuộc hẹn. Biết chung cuộc là sự dung tướng gồm, chữ phi trở xuống là nêu bày khoa sau.

Trong phần chánh tông, khoa đầu trước bày việc gốc của tăng, dưới bày gồm giúp. Chữ nhược trở xuống là nói được mất. Trong thứ hai, kế là bày Tam Bảo, đạo tục đối nhau, tướng riêng rất dễ thấy. Ba Phật là ba thân Phật pháp thân, báo thân, ứng thân, (có chỗ nói là ba đời Phật). Văn, tư, tu là ba tuệ, thứ lớp tướng do Tăng bảo, lại y cứ trụ xứ, cho chia cũng có thể tục, cho cạo tóc nhuộm y làm Tăng. Đạo dùng để lý hoà hợp là Tăng. Bồ-đề, v.v... làm cung điện, nhà Đại thừa làm chỗ ở, muôn hạnh làm năng ở.

Trong dẫn chứng, khoa đầu nói người xưa không biết là ai, nghi là Tổ sư tự soạn. Khoa kế, Luận Trí Độ lìa nhân duyên, lại chỉ trời, người như chú giải đã hiển bày. Người xuất gia tu nghiệp xuất ly thì lấy Niết-bàn làm vui. Kế dẫn luật Tăng-kỳ chứng trên có thể biết, là biết xuất gia vốn vì hoằng pháp. Chữ tức trở xuống là thứ ba dẫn thọ giới thuyết tướng để bày song tu.

Trong phần sáu, khoa đầu luật Tứ Phần nói bị cướp, ban đầu lấy y mình, kế mượn y người, ba lấy ngoại cụ của Tăng, đều gọi là tạm đắp, cho qua lại tìm. Luật Thiện Kiến ban đầu dạy đem đi. Chữ nếu trở xuống là nói theo mất. Được cất cỏ là khai hoại sự sống. Được mặc áo người tại gia, ngoại đạo là khai tội phi pháp. Khoa kế, Luận Tỳ-ni Mẫu



mượn vật phát thanh phương tiện cho đi. Thập Tụng ban đầu nói giặc đến đồng trước sợ mà đi. Chử nếu trở xuống là kế nói mất y khai đắp vật của tăng. Luật Tăng-kỳ ban đầu dạy đối hỏi bày phòng nhà v.v... đều cho là không thể đi. Chử nếu trở xuống là kế nói đạo hạnh.

Thứ bảy, khoa đầu lại có ba: đầu tiên là phép vào nhà xí. Chử ứng trở xuống là thứ hai pháp rửa sạch. Chử bất đắc trở xuống là thứ ba chế các việc khác.

Trong phần đầu có sáu pháp:

- 1/ Khiến liền bỏ, sợ sinh bệnh.
- 2/ Phải nắm cổ, nay gọi là xí trừ (thẻ đi nhà xí).
- 3/ Nhường người trước.
- 4/ Kính người quỉ.
- 5/ Dạy để y
- 6/ Chánh lên nhà xí.

Nói đắp y là y cứ giống như hạ y, kia y cứ chỗ trống không cho cởi để, ở đây phần nhiều ở chỗ kín nên cho cởi, còn bao nhiêu như thường, chỉ dạy về oai nghi.

Trong phần rửa dơ, để lại chút nước là nghĩ người khác dùng. Mỗi lần rửa là tùy dùng một vật, lấy sạch là kỳ hạn theo Luật Tỳ-nại-da lấy bảy lần đất rửa gọi là sạch. Khoa kế, luật Ngũ Phần nói có ba việc, ban đầu đặt đồ tiện, hai là đựng đầy nước sạch, ba là chế lỏa hình.

Trong Tam Thiên, ban đầu chế phải rửa. Chử ứng trở xuống là kế chế thoát y.

Trong phần tám, khoa đầu hai luật giải phóng vật người đều vì tâm từ, chứ không vì trộm tổn. Độn là con heo nhỏ. Khoa kế có bốn: Ban đầu khai nói dối, đâu được lại ý ông bày không. Chử hựu trở xuống là kế khai che giấu. Chử nếu trở xuống là thứ ba, khai trộm tổn, hoại giềng mới đến ngục chẳng phải oai nghi. Chử cát trư trở xuống là thứ tư khai các lời.

Trong phần chín, văn đầu tiên nghĩa là xúc nhiều, tức là muốn nhiều động quý thân. Khoa kế hạm áp. Pháp chú rắn, dùng pháp chú đó khiến không hại người, Luật Ngũ Phần chép “Ta thương các Long Vương, trời và nhân gian, dùng tâm từ của ta diệt được các hoại độc, ta dùng trí tuệ hoá dụng tâm giết vị độc này, vị không có vị độc phá diệt vào đất. Bỏ tiếng vang ở cửa sổ, nghĩa là chỗ cách mắt thấu rõ. Lòng thưa tức là dùng tre đan lưới. Linh Tử Chỉ Quy chép: “Trong cửa sổ đan gỗ làm nên”.

Trong bất rận, văn luật chỉ có cách bắt, y theo rắn, chuột phải giữ

gìn mạng sống của nó. Người đời ngu giáo, thường dùng lửa đốt, nhúng nước sôi, lấy móng tay ngắt cho chết, bởi không có lòng từ thương xót, buông lung làm việc giết hại, tâm đồng La-sát, hạnh giống như kẻ giết mổ, mạng con vật tuy nhỏ mà khổ chết chẳng khác, xin đọc lời dạy của Thánh rất nên dè dặt.

Trong phần mười, khoa đầu chia làm hai: đầu tiên là chế, kế khai năm chúng. Bà con được cho thuốc bởi không vì lợi, không vì lợi là vì bà con nghèo thiếu.

Ngũ Bách Vấn đầu tiên chế lấy vật, chỉ khai gương cho, nay thuốc vốn là cầu tài lợi, đã chẳng phải đạo nghiệp, chính là trái với Thánh giáo, chưa chưa thấy có người nào ôm lòng từ cứu vật (chúng sinh), nhưng các cao Tăng ngày xưa thì cũng có vị gồm cứu giúp. Tăng truyện nói đời Tấn có ngài Pháp Khai, khéo thông phương pháp hoặc thưa hỏi Pháp sư, bậc cao minh phân biệt vì sao nghề thuốc trái qua lo nghĩ? Đáp rằng: “Biết sáu độ để trừ bệnh bốn ma, điều phục hầu để trị bệnh phong hàn, tự lợi lợi tha không làm được hay sao?” Đây biết tâm vì lợi người, không đã chẳng thể cầu thả vì tài lợi ở đời nên y theo luật cấm đoán. Chử nếu bệnh trở xuống là kế đoan ta thuật. Thoát thủng tức ngày nay cách bắt phung nước để lấy độc phù.

Khoa kế, luật Tứ Phần đầu tiên dạy học chữ, chữ hoạn thổ trở xuống là kế dạy dùng thuốc, đầu hơi ấm cho nên có thể dừng nhỏ. Bệnh nhiệt, Trí Luận chép: “Khi lạnh xen dùng trầm nước, khi nóng xen dùng chiên đàn để thoa thân”, thuốc hủ lạn chưa bỏ không cần thọ, nghĩa là từng gia thọ, trong không bụi đất bay, cho nên luật Ngũ Phần dùng cây xanh thơm trị độc trướng, tiêu khí ác (hơi độc). Tụng chú không nhai nuốt v.v... giống như duyên tà thuật nên cho phép. Tăng-kỳ tiểu mạch phải sao cho cháy đen, nghiền nát mới mức nước hoà. Thập Tụng nói, bất tịnh nghĩa là ban đêm xúc chạm v.v... chỉ khai cho người bệnh. Luật Tứ Phần ngoài dùng trị bệnh hay mạnh đều được.

\*\*\*\*\*